

Số: 07/2021/TC-KT

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả hoạt động
trong BCTC quý IV/2020 với quý IV/2019.

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh giữa quý IV/2020 (Kỳ báo cáo) và Báo cáo quý IV/2019 (cùng kỳ trước) như sau:

| STT | Nội Dung | Quý IV.2020 | Quý IV.2019 | Thay đổi (%) |
|-----|---|------------------------|------------------------|----------------|
| 1 | Tổng doanh thu & thu nhập khác | 147.098.848 | 2.283.692.999 | 93,56% |
| | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 147.097.662 | 1.792.780.710 | 91,79% |
| | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.186 | 3.198 | 62,91% |
| | Thu nhập khác | - | 490.909.091 | |
| 2 | Tổng chi phí | 2.707.122.023 | 4.450.100.255 | 39,17% |
| | Giá vốn hàng bán | 147.097.662 | 2.220.689.500 | 93,38% |
| | Chi phí tài chính | 147.742.322 | 78.577.120 | -88,02% |
| | Chi phí bán hàng | 58.475.175 | 154.672.764 | 62,19% |
| | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.353.626.864 | 1.279.386.019 | -83,97% |
| | Chi phí khác | 180.000 | 716.774.852 | 100% |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | (2.560.023.175) | (2.166.407.256) | -18,17% |
| | Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | (101.913.898) | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | (2.560.023.175) | (2.064.493.358) | -24,00% |



1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty quý IV/2020 giảm 93,56% so với Quý IV/2019, là do:

Trong kỳ, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc hoạt động theo hướng chuyển dịch ngành nghề kinh doanh và chuyển dịch thị trường nên doanh thu từ các mảng hiện tại của Công ty sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài trong năm nay nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng kéo theo.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Chi phí quý IV/2020 giảm 39,17% so với quý IV/2019 là do trong năm nay công ty đã trả được gần hết các khoản vay nợ ngân hàng dẫn đến chi phí lãi vay giảm. Đồng thời, doanh thu sụt giảm mạnh dẫn đến giá vốn sụt giảm tương ứng.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý IV/2020 giảm 18,17% so với quý IV/2019 là do việc đầu tư vào công ty con hoạt động chưa hiệu quả dẫn đến lợi nhuận của công ty mẹ sụt giảm.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh quý IV/2020 so với quý IV/2019 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

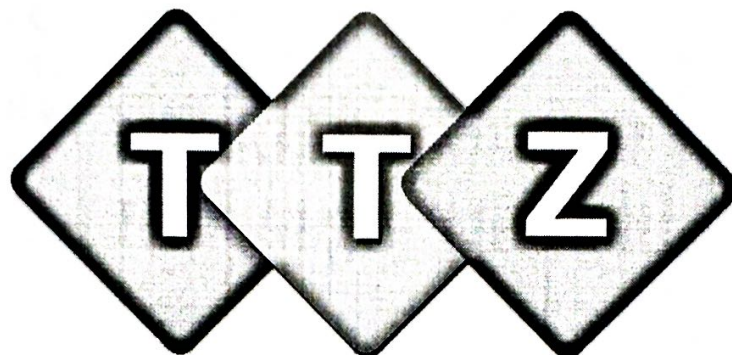
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIÊN TRUNG**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Quyết



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2020



Thái Bình, tháng 01 năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2020 đến 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Trần Thị Hiền | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Anh Quyết | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thùy Linh | Thành viên |
| Ông Yang Xiao Dong | Thành viên |
| Ông Chen Yu | Thành viên |
| Ông Lê Minh Diện | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|----------------|
| Ông Hoàng Anh Quyết | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Mến | Phó Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thùy Linh | Kế toán trưởng |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzholdings.com.vn

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV Năm 2020

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ (31/12/2020) | Số đầu kỳ (01/01/2020) |
|--|------------|-------------|----------------------------|---------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 27.421.879.362 | 42.669.967.469 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 21.946.769 | 20.448.361 |
| 1. Tiền | 111 | | 21.946.769 | 20.448.361 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.247.082.125 | 19.370.275.870 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 6.254.501.548 | 9.044.602.350 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 88.000.000 | 11.724.621.200 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 12.990 | 21.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (2.095.432.413) | (1.420.057.680) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 110.000 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 23.144.043.200 | 22.948.253.200 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 23.144.043.200 | 22.948.253.200 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.807.268 | 330.990.038 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.711.139 | 13.115.895 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.096.129 | 100.000 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 317.774.143 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 51.575.111.342 | 47.881.397.504 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.753.701.445 | 2.999.703.216 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 1.753.701.445 | 2.999.703.216 |
| - Nguyên giá | 222 | | 6.926.419.382 | 7.762.601.200 |

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzhholdings.com.vn

| | | | |
|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | (5.172.717.937) | (4.762.897.984) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 10.500.000.000 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 10.500.000.000 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 30.321.409.897 | 35.881.694.288 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 33.712.692.943 | 36.768.692.943 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | (3.391.283.046) | (886.998.655) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 78.996.990.704 | 90.551.364.973 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 10.485.037.551 | 16.434.424.830 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 10.485.037.551 | 16.434.424.830 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 2.793.430.428 | 5.828.187.651 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 72.000.000 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 594.606.372 | 535.119.037 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | - | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 160.000.000 | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 1.400.000.000 | 1.520.138.628 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.465.000.751 | 8.550.979.514 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | - | - |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 68.511.953.153 | 74.116.940.143 |



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzholdings.com.vn

| | | | | |
|--|------------|--|-----------------------|-----------------------|
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 68.511.953.153 | 74.116.940.143 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 75.704.440.000 | 75.704.440.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 75.704.440.000 | 75.704.440.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (7.192.486.847) | (1.587.499.857) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (1.587.499.857) | 1.174.855.771 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (5.604.986.990) | (2.762.355.628) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 78.996.990.704 | 90.551.364.973 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Thị Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thùy Linh

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021



Hồng Anh Quyết



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzholdings.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV Năm 2020

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý IV Năm 2020 | Quý IV Năm 2019 | Số lũy kế từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 | Số lũy kế từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|--|--|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 147.097.662 | 1.792.780.710 | 588.390.648 | 9.360.464.534 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | 157.863.000 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) | 10 | | 147.097.662 | 1.792.780.710 | 430.527.648 | 9.360.464.534 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 147.097.662 | 2.220.689.500 | 392.600.648 | 9.575.141.215 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11) | 20 | | - | (427.908.790) | 37.927.000 | (214.676.681) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 1.186 | 3.198 | 8.547 | 75.456 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 147.742.322 | 78.577.120 | 1.379.748.608 | 278.637.007 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.779.013 | 78.577.120 | 171.314.850 | 278.637.007 |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 58.475.175 | 154.672.764 | 275.485.010 | 603.383.652 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 2.353.626.864 | 1.279.386.019 | 2.747.528.487 | 2.279.431.491 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)} | 30 | | (2.559.843.175) | (1.940.541.495) | (4.364.826.558) | (3.376.053.375) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | - | 490.909.091 | - | 3.309.804.166 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 180.000 | 716.774.852 | 762.976.288 | 1.766.107.764 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (180.000) | (225.865.761) | (762.976.288) | 1.543.696.402 |



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzholdings.com.vn

| | | | | | | |
|--|----|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | (2.560.023.175) | (2.166.407.256) | (5.127.802.846) | (1.832.356.973) |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | (101.913.898) | 477.184.144 | 43.000.000 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) | 60 | | (2.560.023.175) | (2.064.493.358) | (5.604.986.990) | (1.875.356.973) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | 61 | | - | - | - | - |
| 20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát | 62 | | - | - | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | - | - | - | - |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | - | - | - | - |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Thị Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thùy Linh

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021



Hoàng Anh Quyết

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Quý IV Năm 2020

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số lũy kế từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 | Số lũy kế từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 |
|--|-----------|-------------|--|--|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (5.127.802.846) | (1.832.356.973) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 863.875.658 | 1.124.792.452 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 3.179.659.124 | 1.103.700.000 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 344.492.375 | (1.116.163.620) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 171.314.850 | 278.637.007 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (568.460.839) | (441.391.134) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 3.940.822.883 | (2.998.155.976) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (195.790.000) | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (2.922.895.851) | (3.064.888.027) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 11.404.756 | 157.184.220 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (171.314.850) | (278.637.007) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (226.297.475) | (747.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (132.531.376) | (7.372.887.924) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 220.000.000 | 2.765.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các | 23 | | - | - |



| | | | | |
|--|-----------|--|------------------------|----------------------|
| công cụ nợ của đơn vị khác | | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 3.000.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 8.547 | 75.456 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 3.220.008.547 | 2.765.075.456 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 6.035.640.000 | 17.163.651.893 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (9.121.618.763) | (12.827.712.694) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.085.978.763) | 4.335.939.199 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 1.498.408 | (271.873.269) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 20.448.361 | 292.321.630 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 21.946.769 | 20.448.361 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Thị Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thùy Linh

Thái Bình, ngày 27 tháng 01 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Quyết



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 03/12/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 03/12/2018 là 75.704.440.000 đồng tương ứng với 7.570.444 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 05 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3 người).

1.2. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|-------------------|--------------------------------|---|
| | | % | % | |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình | Hòa Bình | 100% | 100% | Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch |
| Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La | Sơn La | 100% | 100% | Kinh doanh vật liệu xây dựng |

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rằm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát... sản xuất đá xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán



Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

2.4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính, Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

4.3. Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/03/2020 và có khoản phải thu cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

4.4. Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm sử dụng</u> |
|-----------------------|--------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 9 – 15 |
| Máy móc thiết bị | 11 – 12 |
| Phương tiện vận tải | 8 – 10 |

4.5. Các khoản trả trước dài hạn



Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

4.6. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng, (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.8. Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2020
VNĐ

01/01/2020
VNĐ



| | | |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 19.990.014 | 16.696.144 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.956.755 | 3.752.217 |
| | 21.946.769 | 20.448.361 |

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|---|----------------------|----------------------|
| - Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn | 182.964.620 | 182.964.620 |
| - Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long | 3.629.000.000 | 3.629.000.000 |
| - Công ty cổ phần xây dựng sản xuất và thương mại Đại Sàn | - | 3.031.885.850 |
| - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Beehub Việt Nam | 1.684.111.220 | 1.947.358.820 |
| - Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình | 541.640.648 | |
| - Các đối tượng khác | 216.785.060 | 253.393.060 |
| | 6.254.501.548 | 9.044.602.350 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|---|-------------------|-----------------------|
| - Ông Nguyễn Hữu Hạnh (*) | - | 10.500.000.000 |
| - Công ty TNHH thương mại Quốc tế Long Phát Đạt | - | 1.085.000.000 |
| - Công ty TNHH thương mại và vận tải Thiệp Mơ | - | 139.621.200 |
| - Trả trước người bán khác | 88.000.000 | |
| | 88.000.000 | 11.724.621.200 |

(*) Khoản tiền cọc theo hợp đồng giữ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808m² tại đôn Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Rãm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo HĐ công chứng số 554/QS 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Hạnh, giá trị chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|------------------------|-----------------------|-------------------|
| - Quyền sử dụng đất(*) | 10.500.000.000 | - |
| | 10.500.000.000 | - |



(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung mua lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Hạnh tại đồi Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và đang tiến hành thủ tục sang tên chủ sở hữu.

9. PHẢI THU KHÁC

a, Phải thu ngắn hạn

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phan Văn Khánh | - | 21.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 12.990 | |
| | 12.990 | 21.000.000 |

b, Phải thu dài hạn

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu hợp tác đầu tư dự án(*) | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |

(*) Số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,1 ha tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 70.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện 23 năm. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, công ty sẽ góp tiền 9.000.000.000 đồng tương đương 13% tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến của dự án. Năm 2018, công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình đã xin dừng triển khai dự án. Tháng 2/2019, dự án được cấp phép lại cho Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình. Nghị quyết HĐQT ngày 18/08/2020 đã quyết định việc chuyển nhượng Hợp tác kinh doanh này từ công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sang Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình. Ngày 25/08/2020, công ty đã ký thảo thuận 3 bên với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình và Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình về vấn đề này. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình đã thực hiện xong giai đoạn khoan thăm dò mỏ đá này và đang tiếp tục thực hiện các thủ tục để được cấp phép khai thác dự án.

10. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Hàng hóa | 195.790.000 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*) | 22.948.253.200 | 22.948.253.200 |
| | 23.144.043.200 | 22.948.253.200 |

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ gồm 2 dự án:

- Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại thôn Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt theo quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư dự án nhà máy gạch với số tiền: 18.739.148.580 đồng.



- Chi phí san lấp mặt bằng tại xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018 với số tiền là 4.209.104.620 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ | Máy móc, thiết bị VNĐ | Phương tiện, vận tải VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | - | 3.155.757.576 | 4.606.843.624 | 7.762.601.200 |
| Mua trong năm | - | - | - | - |
| Điều chỉnh tăng, giảm trong năm | - | - | - | - |
| Thanh lý nhượng bán | - | - | 836.181.818 | 836.181.818 |
| Tại ngày 31/12/2020 | - | 3.155.757.576 | 3.770.661.806 | 6.926.419.382 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | - | 2.075.802.412 | 2.687.095.572 | 4.762.897.984 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 377.027.016 | 486.848.642 | 863.875.658 |
| Điều chỉnh tăng, giảm trong năm | - | - | - | - |
| Thanh lý nhượng bán | - | - | 454.055.705 | 454.055.705 |
| Tại ngày 31/12/2020 | - | 2.452.829.428 | 2.719.888.509 | 5.172.717.937 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2020 | - | <u>1.079.955.164</u> | <u>1.919.748.052</u> | <u>2.999.703.216</u> |
| Tại ngày 31/12/2020 | - | 702.928.148 | 1.050.773.297 | 1.753.701.445 |

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VNĐ | Dự phòng VNĐ | Giá gốc VNĐ | Dự phòng VNĐ |
| Đầu tư vào công ty con | 33.712.692.943 | (3.391.283.046) | 36.768.692.943 | (886.998.655) |
| Công ty TNHH MTV | 33.712.692.943 | (3.391.283.046) | 33.712.692.943 | (886.998.655) |



| | | | | |
|---|---|---|---------------|---|
| Tiên Trung Hòa Bình (1) Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La (2) | - | - | 3.056.000.000 | - |
| <u>33.712.692.943 (3.391.283.046) 36.768.692.943 (886.998.655)</u> | | | | |

Ghi chú: Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành toàn bộ các hạng mục đầu tư nhưng đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch. Tại 31/12/2019 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 886.998.655 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 14/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Nhà khách, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện thu hồi toàn bộ vốn đã góp vào Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La để thực hiện các thủ tục giải thể công ty này. Số tiền thực tế thu hồi là 3.000.000.000 đồng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH hóa dầu và chất đốt | - | 716.652.810 |
| Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thịnh Gia Phát | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Công ty TNHH thương mại và vật liệu xây dựng Tây Hà | 594.404.820 | 594.404.820 |
| Công ty Oanh Tuyết | 0 | 546.964.000 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên trung Hòa Bình | 0 | 46.750.000 |
| Khác | 199.025.608 | 1.970.166.021 |
| | <u>2.793.430.428</u> | <u>5.874.937.651</u> |

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2020 VNĐ | 01/01/2020 VNĐ |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| - Thuế GTGT | 17.000.000 | 470.447.247 |
| - Thuế TNDN | - | (317.774.143) |
| - Thuế và các loại phí khác | 577.606.372 | 59.471.790 |
| - Thuế TNCN | | 5.200.000 |



| | <u>594.606.372</u> | <u>217.344.894</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| 15. VAY NỢ THUÊ TÀI CHÍNH | | |
| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
| | VNĐ | VNĐ |
| - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn | - | 49.616.621 |
| - Đặng Đình Trung | 199.420.000 | 4.179.505.000 |
| - Trịnh Thị Anh | 1.645.260.000 | 511.857.893 |
| - Hoàng Anh Quyết | 3.600.000.000 | - |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 20.320.751 | 260.000.000 |
| - Ngân hàng TMCM Tiên Phong | - | 3.430.000.000 |
| - Vay nợ cá nhân khác | 0 | 120.000.000 |
| | <u>5.465.000.751</u> | <u>8.550.979.514</u> |

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn điều lệ | Lợi nhuận chưa phân | Cộng |
|---------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|
| | VNĐ | phối | VNĐ |
| | | VNĐ | |
| Số dư ngày | | | |
| 01/01/2020 | <u>75.704.440.000</u> | <u>(1.587.499.857)</u> | <u>74.116.940.143</u> |
| - Tăng vốn trong kỳ | - | - | - |
| - Lãi kinh doanh | - | (5.604.986.990) | (5.604.986.990) |
| - Tăng khác | - | - | - |
| Số dư ngày | | | |
| 31/12/2020 | <u>75.704.440.000</u> | <u>(7.192.486.847)</u> | <u>68.511.953.153</u> |

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Quý IV/2020 | Quý IV/2019 |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Doanh thu bán hàng | 147.097.662 | 1.792.780.710 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| | <u>147.097.662</u> | <u>1.792.780.710</u> |

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Quý IV/2020 | Quý IV/2019 |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 147.097.662 | 2.220.689.500 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | - |
| | <u>147.097.662</u> | <u>2.220.689.500</u> |

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | Quý IV/2020 | Quý IV/2019 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VNĐ | VNĐ |



| | | |
|----------------------------|---------------------|---------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.186 | 3.198 |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư | - | - |
| | <u>1.186</u> | <u>3.198</u> |

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Quý IV/2020 VNĐ | Quý IV/2019 VNĐ |
|-------------------|---------------------------|--------------------------|
| Chi phí tài chính | 147.742.322 | 78.577.120 |
| | - | - |
| | <u>147.742.322</u> | <u>78.577.120</u> |

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Quý IV/2020 VNĐ | Quý IV/2019 VNĐ |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.353.626.864 | 1.279.386.019 |
| Chi phí nhân viên | | |
| Chi phí vật liệu quản lý | | |
| Chi phí dụng cụ văn phòng | | |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | | |
| Chi phí thuế, phí, lệ phí | | |
| Chi phí dự phòng | | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | | |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | | |
| Chi phí quản lý khác | | |
| Chi phí bán hàng | 58.475.175 | 154.672.764 |
| Chi phí xăng dầu | | |
| Chi phí nhân viên | | |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | | |
| | <u>2.412.102.039</u> | <u>1.434.058.783</u> |

22. CHI PHÍ KHÁC

| | Quý IV/2020 VNĐ | Quý IV/2019 VNĐ |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại của TSCĐ | - | - |
| Các khoản chi phí khác | 0 | - |
| | 0 | - |

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Quý IV/2020 VNĐ | Quý IV/2019 VNĐ |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.560.023.175) | (2.166.407.256) |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | | - |
| Thu nhập chịu thuế | (2.560.023.175) | (2.166.407.256) |
| Thuế suất | - | - |



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 02273.683.162 - website: www.ttzholdings.com.vn

| | | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp | - | - |
| Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành | <u>(2.560.023.175)</u> | <u>(2.166.407.256)</u> |

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý IV/2020 của Công ty.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trịnh Thị Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thùy Linh

Thái Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Quyết

